



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-10
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	11-12
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	13
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	14-46
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	14
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	15-16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	17
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	18
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	19
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	20-46

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 18/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 03 năm 2024 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 42/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 05 năm 2024. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Cẩm Chi	Chủ tịch
Bà: Lưu Thị Thúy	Thành viên
Bà: Trần Thu Lan	Thành viên

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bạch Thế Phong	Giám đốc Đầu tư
Bà: Bùi Thị Trang Nhung	Giám đốc Đầu tư

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-DKHKDLK ngày 01 tháng 8 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được bổ nhiệm theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 15 tháng 08 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quỹ.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 về việc sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 68/2024/TT-BTC.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Nguyễn Cẩm Chi
Chủ tịch Ban đại diện

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB (“Quỹ”) là hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam.

1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ giảm 79,67% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) của Quỹ tăng 2,40% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

- Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng các công cụ nợ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như sau: Các loại trái phiếu chính phủ; trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán; trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật; chứng chỉ tiền gửi; hợp đồng tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác;
- Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng tài sản đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá phân tích chuyên sâu tổ chức phát hành, và khả năng bị tác động của tổ chức phát hành trước biến động của thị trường;
- Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá những chuyển động của thị trường trái phiếu, thị trường tiền tệ để phân bổ tỷ trọng trái phiếu, các công cụ thị trường tiền tệ và tiền mặt ở một tỷ lệ thích hợp, vừa đảm bảo khả năng sinh lời, vừa đảm bảo khả năng thanh khoản của quỹ;
- Quỹ sẽ linh hoạt phân bổ tài sản tùy theo điều kiện thị trường và tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có. Định hướng quỹ sẽ đầu tư 100% tài sản của quỹ vào tài sản có thu nhập cố định, quỹ sẽ không mua cổ phiếu, tuy nhiên có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Bên cạnh trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi,... được phát hành bởi các tổ chức tín dụng như ngân hàng, công ty tài chính. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, Quỹ sẽ ưu tiên đầu tư vào các công cụ nợ của các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các ngành nghề sau đây (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này):

- Tài chính - ngân hàng;
- Viễn thông;
- Dịch vụ và hàng tiêu dùng;
- Y tế và giáo dục;
- Bất động sản, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng;
- Các ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó cổ phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định pháp luật; Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - + Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
 - + Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
 - + Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán và được thanh toán bằng tiền;

1.4 . Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

1.5 . Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

1.6 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt MB được thành lập ngày 14 tháng 05 năm 2024 theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 42/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.7 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 95.511.900.400 VND, tương đương với 9.551.190,04 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ là 107.968.542.590 VND.

1.8 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.9 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;

1.10 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ

	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
	%	%	%
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	28,46%	10,51%	10,35%
2. Danh mục chứng khoán	69,74%	58,32%	48,29%
3. Tài sản khác	1,80%	31,17%	41,36%
	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	ĐVT	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 14/05/2024 đến 30/06/2024
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	107.968.542.590	465.288.748.642	86.238.540.267
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	9.551.190,04	43.337.604,73	8.551.569,57
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ	VND	11.304	10.736	10.085
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	11.359	10.736	10.085
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	11.047	10.398	9.998
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị	%	2,40%	3,27%	0,85%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	%	(0,30)%	0,33%	0,37%
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	%	2,70 %	2,94%	0,48%
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	%	1,88%	1,76%	2,83%
Tốc độ vòng quay danh mục	%	191,55%	59,67%	428,81%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ %	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm %
1 năm đến thời điểm báo cáo	2,40%	2,40%
3 năm đến thời điểm báo cáo	Không xác định	Không xác định
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	13,04%	7,80%

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

Thời kỳ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 14/05/2024 đến 30/06/2024
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	2,40%	3,27%	0,85%

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô**

GDP quý II năm 2026 tăng khoảng 8.39% so với cùng kỳ, cao hơn mức 7.94% của quý I năm 2026 và cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, CPI bình quân tăng 4.38% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến cuối tháng 6 năm 2026, FDI đăng ký đạt 34.65 tỷ USD, tăng 61.0% so với cùng kỳ năm 2025, FDI giải ngân tăng 11.20% lên 13.03 tỷ USD.

Giá trị giải ngân mới vốn đầu tư công từ đầu năm ước đạt khoảng 320,000 tỷ đồng, hoàn thành khoảng 30% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm.

PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 6 năm 2026 giảm nhẹ xuống 51.80 điểm từ mức 52.80 điểm của tháng 5 năm 2026.

Dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế tính đến cuối tháng 6 năm 2026 tăng trưởng khoảng 9.90% so với cuối năm trước, cho thấy tín dụng tiếp tục được mở rộng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm 2026 nhập siêu khoảng 15.40 tỷ USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

3.2 Tình hình thị trường trái phiếu

Tổng giá trị Trái phiếu chính phủ phát hành thông qua đấu thầu trong 6 tháng đầu năm 2026 là 182,386 tỷ đồng, đạt 36.50% kế hoạch cả năm (500,000 tỷ đồng). Trong đó, giá trị Trái phiếu chính phủ phát hành trong quý II đạt 93% kế hoạch quý (110,000 tỷ đồng).

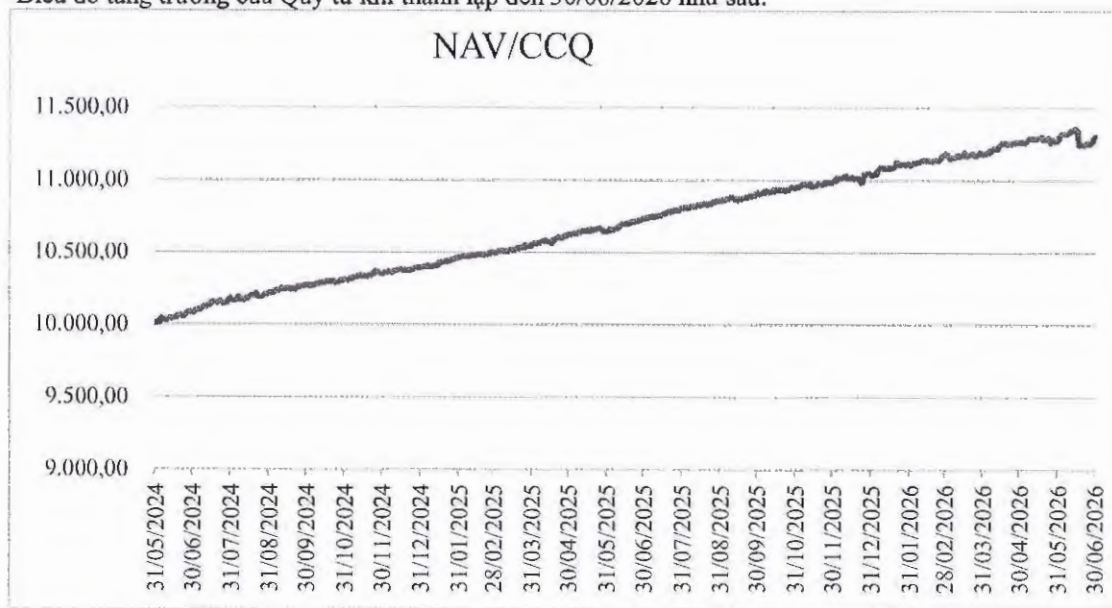
Lợi suất Trái phiếu chính phủ Việt Nam có xu hướng tăng ở tất cả các kỳ hạn.

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, trong 6 tháng đầu năm 2026, giá trị phát hành riêng lẻ Trái phiếu doanh nghiệp là 187,915 tỷ đồng và giá trị phát hành ra công chúng là 24,833 tỷ đồng.

4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

	1 năm đến thời điểm báo cáo %	3 năm đến thời điểm báo cáo %	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo %
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	5,70%	Không xác định	12,77%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	(0,27)%	Không xác định	0,06%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	5,29%	Không xác định	13,04%
Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ	5,29%	Không xác định	5,93%

Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ từ khi thành lập đến 30/06/2026 như sau:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	30/06/2026	30/06/2025	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	107.968.542.590	465.288.748.642	-76,80%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	11.304	10.736	5,29%

4.2 . Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	4.506	656.073,35	6,87%
Từ 5.000 đến 10.000	66	533.624,22	5,59%
Từ trên 10.000 đến 50.000	137	3.393.006,19	35,52%
Từ trên 50.000 đến 500.000	47	4.968.486,28	52,02%
	<u>4.756</u>	<u>9.551.190,04</u>	<u>100%</u>

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi kỳ vọng đà tăng trưởng GDP tích cực cùng các chỉ tiêu vĩ mô ổn định trong 6 tháng đầu năm 2026 sẽ tiếp tục hỗ trợ hoạt động đầu tư và nhu cầu huy động vốn trung, dài hạn. Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao, thị trường trái phiếu được kỳ vọng sẽ tiếp tục được thúc đẩy nhằm đa dạng hóa nguồn vốn và giảm phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp nhiều khả năng sẽ duy trì đà phục hồi trong nửa cuối năm 2026. Trái phiếu ngân hàng vẫn là nhóm phát hành chủ đạo, trong khi doanh nghiệp bất động sản, chứng khoán và sản xuất được kỳ vọng gia tăng huy động vốn. Lãi suất phát hành dự kiến duy trì ở mức cao, phù hợp với xu hướng tăng của mặt bằng lãi suất trên thị trường.

6 . THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý quỹ

Ông Bạch Thế Phong
Giám đốc Đầu tư

Ông Bạch Thế Phong có gần 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB vào năm 2015, ông từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tư vấn Đầu tư. Ông Phong là thành viên Hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2019.

Bà Bùi Thị Trang Nhung
Giám đốc Đầu tư

Bà Bùi Thị Trang Nhung có trên 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB từ năm 2015 với vị trí chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp và trợ lý quản lý danh mục đầu tư, hiện bà Nhung phụ trách hoạch định, đề xuất chiến lược và giải pháp đầu tư. Bà Nhung là thành viên hiệp hội các nhà đầu tư phân tích tài chính (CFA Charter Holder) từ năm 2019.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ông Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Cẩm Chi
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Cẩm Chi hiện giữ chức Phó Tổng giám đốc, Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD). Bà Chi có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính. Bà Chi hiện là thành viên kỹ cựu Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc (FCCA).

Bà Lưu Thị Thúy
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Lưu Thị Thúy có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, chứng khoán và đầu tư. Bà Thúy đã từng giữ chức vụ quản lý cấp cao của Khối Ngân hàng đầu tư Techcombank. Bà Thúy là thành viên hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2012.

Bà Trần Thu Lan
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Trần Thu Lan tốt nghiệp Cử nhân Luật chuyên ngành Hành chính - Tư Pháp tại Đại học Luật Hà Nội, thạc sỹ chuyên ngành Luật dân sự tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bà Lan có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp lý, kiểm soát tuân thủ, quản trị điều hành doanh nghiệp. Bà Lan gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) kể từ năm 2009 và hiện đang đảm nhiệm chức vụ Trợ lý pháp chế HĐQT của MB.



Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Quỹ đầu tư trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ đầu tư trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB ("Quỹ") cho kỳ tài chính bán niên 2026 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Công ty CP quản lý Quỹ đầu tư MB đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên tại một số thời điểm có phát sinh sai lệch so với Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch, cụ thể như sau:

- Tại kỳ định giá từ ngày 05/01/2026 đến 12/02/2026, do thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật và biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ, tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ; chưa đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

- Tại kỳ định giá từ ngày 05/03/2026 đến 12/03/2026, do thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật và biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ, tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ; chưa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 9 Điều lệ quỹ.

- Tại kỳ định giá từ ngày 23/03/2026 đến 19/06/2026, do thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật và biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ, tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ; chưa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 9 Điều lệ Quỹ; điểm đ khoản 6 Điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.

- Tại kỳ định giá từ ngày 04/02/2026 đến 11/02/2026, từ ngày 03/04/2026 đến 19/06/2026 do thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật và biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của một (01) Tổ chức phát hành (Công ty CP Đầu tư Nam Long) vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại điểm c khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 được sửa đổi bổ sung bởi thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.



1102
NG TY
NIÊM YẾT
KIỂM
AS
PHỔ

Quỹ đầu tư trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tại kỳ định giá từ ngày 11/02/2026 đến 25/02/2026, từ ngày 27/02/2026 đến 01/04/2026, ngày 03/04/2026 do thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật và biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của một (01) tổ chức phát hành (CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú), trừ công cụ nợ của Chính phủ vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ; chưa đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Điều lệ Quỹ, điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.

- Tại kỳ định giá từ ngày 14/04/2026 đến 20/04/2026, ngày 29/04/2026 đến 01/07/2026, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của một (01) tổ chức phát hành (CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam), trừ công cụ nợ của Chính phủ vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ; chưa đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Điều lệ Quỹ, điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.

- Tại các kỳ định giá từ ngày 20/05/2026 đến 01/07/2026, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của một (01) tổ chức phát hành (CTCP Vinhomes), trừ công cụ nợ của Chính phủ vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ; chưa đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Điều lệ Quỹ, điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.

- Tại các kỳ định giá từ ngày 28/05/2026 đến 10/06/2026, từ ngày 12/06/2026 đến 19/06/2026, tỷ lệ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ, e và h khoản 2 Điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ; chưa đáp ứng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Điều lệ Quỹ, điểm d khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

Hà Nội, ngày 29/07/2026

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lương Thế Tường

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Nguyễn Phương Dung

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện**
Quý Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quý Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB được lập ngày 29 tháng 07 năm 2026, từ trang 13 đến trang 45, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quý cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		9.738.806.963	13.424.042.064
02	1.1 Cổ tức, trái tức được chia	3	9.614.291.370	9.179.576.030
03	1.2 Tiền lãi được nhận	4	1.207.386.639	3.037.445.270
04	1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	(1.629.142.154)	76.210.681
05	1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	546.271.108	1.130.810.083
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		85.864.322	37.743.603
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	85.864.322	37.743.603
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.330.239.715	2.816.204.607
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		1.910.711.531	2.417.405.553
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		104.259.008	97.980.807
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		36.356.818	36.782.632
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		79.200.000	79.200.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		32.232.866	14.876.729
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	8	68.479.492	70.958.886
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		7.322.702.926	10.570.093.854
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		7.322.702.926	10.570.093.854
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		6.776.431.818	9.439.283.771
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		546.271.108	1.130.810.083
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		7.322.702.926	10.570.093.854


Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập


Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	9	30.834.672.544	55.397.337.461
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		334.672.544	22.897.337.461
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		30.500.000.000	32.500.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	75.566.631.548	483.891.404.904
121	2.1 Các khoản đầu tư		75.566.631.548	483.891.404.904
121	2.1.1 Các khoản đầu tư trái phiếu		75.566.631.548	420.891.404.904
121	2.1.2 Chứng chỉ tiền gửi		-	63.000.000.000
130	3. Các khoản phải thu	11	1.957.297.814	15.312.866.243
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.957.297.814	15.312.866.243
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.957.297.814	15.312.866.243
100	TỔNG TÀI SẢN		108.358.601.906	554.601.608.608
Mã số	NGUỒN VỐN			
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	12	-	21.370.617.269
312	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ		13.943.912	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		31.664.732	-
316	4. Chi phí phải trả	13	45.712.358	32.500.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	14	88.120.672	1.163.873.777
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ	15	12.869.318	10.500.774
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	16	197.748.324	935.301.936
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		390.059.316	23.512.793.756
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THẺ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ	17	107.968.542.590	531.088.814.852
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		95.511.900.400	481.086.413.200
412	1.1 Vốn góp phát hành		2.325.202.454.000	2.231.758.754.800
413	1.2 Vốn góp mua lại		(2.229.690.553.600)	(1.750.672.341.600)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(34.668.955.177)	10.199.507.211
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	47.125.597.367	39.802.894.441
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		11.304	11.039

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2026	31/12/2025
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	22	9.551.190,04	48.108.641,32



Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

STT	CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	531.088.814.852	291.672.010.182
II.	Thay đổi NAV trong kỳ	7.322.702.926	10.570.093.854
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	7.322.702.926	10.570.093.854
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	(430.442.975.188)	163.046.644.606
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	104.209.785.949	559.973.492.460
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	534.652.761.137	396.926.847.854
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV= I+II+III)	107.968.542.590	465.288.748.642



Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên
			ngày 30/06/2026		Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
			VND	VND	%
I	Trái phiếu				
1	BAF126003	244	101.153.786,30	24.681.523.857	22,78%
2	DSE125004	928	100.148,13	92.937.465	0,09%
3.	VHM121025	289.584	100.451,71	29.089.210.884	26,85%
4.	VIC123029	11.151	101.189,31	1.128.362.107	1,04%
5.	NLG12501	126	99.798.391,00	12.574.597.267	11,60%
6.	SBT12401	80	99.999.999,60	7.999.999.968	7,38%
	Tổng	302.113		75.566.631.548	69,74%
II	Các tài sản khác				
1	Dự thu lãi trái phiếu			1.913.441.650	1,76%
2	Dự thu lãi tiền gửi			43.856.164	0,04%
	Tổng			1.957.297.814	1,80%
III	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			334.672.544	0,31%
2	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng			30.500.000.000	28,15%
	Tổng			30.834.672.544	28,46%
IV	Tổng giá trị danh mục			108.358.601.906	100%


Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập


Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

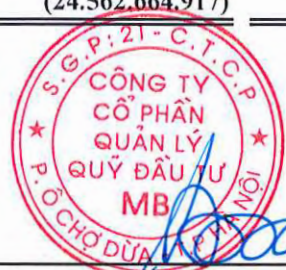
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(321.117.863.262)	(267.435.074.192)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		713.135.695.546	126.644.083.820
04	4. Tiền lãi đã thu		18.034.972.464	10.702.977.080
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(3.054.580.969)	(2.641.393.309)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới)		(90.137.591)	(37.743.603)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>406.908.086.188</i>	<i>(132.767.150.204)</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở		103.134.032.844	571.665.756.667
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở		(534.604.783.949)	(397.202.152.729)
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(431.470.751.105)</i>	<i>174.463.603.938</i>
40	III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(24.562.664.917)	41.696.453.734
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ		55.397.337.461	8.697.000.182
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		55.397.337.461	8.697.000.182
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		32.852.195.641	6.689.123.584
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		1.174.374.551	2.007.876.598
54	Tiền gửi phong tỏa		21.370.767.269	-
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	9	30.834.672.544	50.393.453.916
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		30.834.672.544	50.393.453.916
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		30.733.682.554	37.095.802.906
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		233.682.554	1.095.802.906
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		30.500.000.000	36.000.000.000
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		100.989.990	13.297.651.010
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		(24.562.664.917)	41.696.453.734


Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập biểu


Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 18/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 03 năm 2024 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 42/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 05 năm 2024. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 50.130.360.000 VND, tương đương với 5.013.036,00 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 95.511.900.400 VND, tương đương với 9.551.190,04 chứng chỉ quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền Linh hoạt MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 8 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được bổ nhiệm theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 15 tháng 08 năm 2023.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Quỹ Đầu tư Trái phiếu dòng tiền linh hoạt MB hướng tới mục tiêu tối ưu lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại chứng khoán, công cụ thị trường tiền tệ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam. Quỹ ưu tiên đầu tư vào các tài sản có thanh khoản cao, kỳ hạn được tính toán hợp lý để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn linh hoạt của Nhà đầu tư.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là toàn bộ các ngày làm việc trong tuần và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/06/2026

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- a) Đầu tư tối thiểu tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của quỹ vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác.
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành sau (trừ công cụ nợ của Chính phủ):
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định sau phát hành bởi các công ty trong cùng nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
 - (iv) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định pháp luật;
 - (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ.
 - (vi) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/06/2026

- e) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản là cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên;
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư trái phiếu MB;
- h) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- k) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- l) Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có đảm bảo đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định tại điểm b, c, d, e, h chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/06/2026

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư số 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và Thông tư số 91/2019/TT-BTC (“Thông tư số 91”) ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/06/2026

2.6 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào Báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền lãi các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền lãi các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ, cụ thể:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
3.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
 Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
 đến ngày 30/06/2026

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
4.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	Giá yết (giá sạch) bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp không có giao dịch mua bán thông thường (outright) nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có biến động bất thường theo quy định, là một trong các mức giá sau: - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận. Biến động bất thường được quy định tại Sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản (là giá có chênh lệch tương đối cao hơn hoặc thấp hơn 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất);
5.	Trái phiếu không niêm yết	Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá, hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/06/2026

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá chứng chỉ quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch do đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc như nêu trên.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang phát hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. (Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.)

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 1,5%/ năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = 1,5\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho ngân hàng giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát = 0,02% * Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ Lưu Ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức phí trên chưa bao gồm VAT (nếu có)

Giá dịch vụ lưu ký = 0,05% * Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (chi phí bên thứ ba).

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày đối với chứng khoán niêm yết/ đăng ký giao dịch (HNX, HOSE, UPCOM) và miễn phí đối với chứng khoán OTC.

Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ duy trì Nhà đầu tư; giá dịch vụ thiết lập dữ liệu Nhà đầu tư; giá dịch vụ đăng ký mua mới, mua lại, hoán đổi; và giá dịch vụ phân phối cổ tức. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 12.000.000 VND (Mười hai triệu đồng)/tháng (chưa bao gồm thuế VAT) và có thể thay đổi theo thông báo của Đại lý chuyển nhượng.

Trong mọi trường hợp, tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/06/2026

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được thay thế bởi Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được thay thế bởi Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
 Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
 đến ngày 30/06/2026

2.16 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Quỹ chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . CỐ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Lãi trái phiếu	9.614.291.370	9.179.576.030
	9.614.291.370	9.179.576.030

4 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	189.092.120	426.287.737
Lãi chứng chỉ tiền gửi	1.018.294.519	2.611.157.533
	1.207.386.639	3.037.445.270

5 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026		
	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
	VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết	336.306.174.669	337.888.881.422	(1.582.706.753)
Trái phiếu chưa niêm yết	83.423.999.884	83.405.942.347	18.057.537
Chứng chỉ tiền gửi	275.062.277.841	275.126.770.779	(64.492.938)
	694.792.452.394	696.421.594.548	(1.629.142.154)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
 Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
 đến ngày 30/06/2026

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025		
	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
	VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết	68.342.459.070	68.266.248.389	76.210.681
Chứng chỉ tiền gửi	55.000.000.010	55.000.000.010	-
	123.342.459.080	123.266.248.399	76.210.681

6 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026				
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2026 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2026 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2025 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	54.164.046.486	54.992.034.313	827.987.827	201.959.404	626.028.423
Trái phiếu chưa niêm yết	20.654.354.550	20.574.597.235	(79.757.315)	-	(79.757.315)
	74.818.401.036	75.566.631.548	748.230.512	201.959.404	546.271.108

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025				
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2025 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2025 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	241.053.372.447	242.534.581.590	1.481.209.143	350.399.060	1.130.810.083
Trái phiếu chưa niêm yết	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-	-
	278.053.372.447	279.534.581.590	1.481.209.143	350.399.060	1.130.810.083

7 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phí giao dịch trái phiếu	85.864.322	37.743.603
	85.864.322	37.743.603

8 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phí quản lý thường niên	2.479.492	4.958.886
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	66.000.000	66.000.000
	68.479.492	70.958.886

9 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	233.682.554	352.195.641
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	88.120.672	1.163.873.777
Tài khoản thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư	12.869.318	10.500.774
Tiền phong tỏa - Mua bán chứng khoán	-	21.370.767.269
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	30.500.000.000	32.500.000.000
	30.834.672.544	55.397.337.461

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn 01 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,75%/năm.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Giá mua	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại
		Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Chênh lệch đánh giá lại	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2026						
Trái phiếu niêm yết	54.164.046.486	54.992.034.313	827.987.827	-	54.992.034.313	
Trái phiếu chưa niêm yết	20.654.354.550	20.574.597.235	-	(79.757.315)	20.574.597.235	
	<u>74.818.401.036</u>	<u>75.566.631.548</u>	<u>827.987.827</u>	<u>(79.757.315)</u>	<u>75.566.631.548</u>	
Tại ngày 31/12/2025						
Trái phiếu niêm yết	337.633.623.159	337.835.582.563	1.280.381.449	(1.078.422.045)	337.835.582.563	
Trái phiếu chưa niêm yết	83.055.822.341	83.055.822.341	-	-	83.055.822.341	
	<u>483.689.445.500</u>	<u>483.891.404.904</u>	<u>1.280.381.449</u>	<u>(1.078.422.045)</u>	<u>483.891.404.904</u>	

11 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết	1.506.907.952	11.185.849.804
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu chưa niêm yết	406.533.698	935.095.891
Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	43.856.164	3.191.920.548
	1.957.297.814	15.312.866.243

12 . PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Chi phí phải trả mua chứng khoán	-	21.370.617.269
	-	21.370.617.269

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	32.232.866	32.500.000
Chi phí thù lao Ban đại diện	11.000.000	-
Chi phí quản lý thường niên	2.479.492	-
	45.712.358	32.500.000

14 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	88.120.672	1.163.873.777
	88.120.672	1.163.873.777

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

15 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	12.869.318	10.500.774
	12.869.318	10.500.774

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
 Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
 đến ngày 30/06/2026

16 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý	147.460.377	872.646.860
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	15.087.947	30.560.605
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	12.798.817
Phải trả phí dịch vụ quản trị	16.500.000	19.295.654
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	13.200.000	-
	197.748.324	935.301.936

17 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	Phát sinh trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	54.319.544,16	52.853.116,13	107.172.660,29
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.217	10.595	10.404
Giá trị ghi theo mệnh giá	543.195.441.600	528.531.161.300	1.071.726.602.900
Thặng dư vốn	11.814.386.369	31.442.331.160	43.256.717.529
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	555.009.827.969	559.973.492.460	1.114.983.320.429
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	26.263.410,13	37.571.645,43	63.835.055,56
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	10.312	10.565	10.461
Giá trị ghi theo mệnh giá	262.634.101.300	375.716.454.300	638.350.555.600
Thặng dư vốn	8.188.723.772	21.210.393.554	29.399.117.326
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	270.822.825.072	396.926.847.854	667.749.672.926
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	28.056.134,03	15.281.470,70	43.337.604,73
Giá trị vốn góp hiện hành	284.187.002.897	163.046.644.606	447.233.647.503
Lợi nhuận chưa phân phối	7.485.007.285	10.570.093.854	18.055.101.139
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	291.672.010.182		465.288.748.642
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	10.396		10.736

	<u>31/12/2025</u>	<u>Phát sinh</u>	<u>30/06/2026</u>
	VND	trong kỳ	VND
		VND	VND
Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	223.175.875,48	9.344.369,92	232.520.245,40
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.642	11.152	10.663
Giá trị ghi theo mệnh giá	2.231.758.754.800	93.443.699.200	2.325.202.454.000
Thặng dư vốn	143.327.904.866	10.766.086.749	154.093.991.615
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	2.375.086.659.666	104.209.785.949	2.479.296.445.615
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	175.067.234,16	47.901.821	222.969.055,36
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	10.760	11.161	10.847
Giá trị ghi theo mệnh giá	1.750.672.341.600	479.018.212.000	2.229.690.553.600
Thặng dư vốn	133.128.397.655	55.634.549.137	188.762.946.792
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	1.883.800.739.255	534.652.761.137	2.418.453.500.392
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	48.108.641,32	(38.557.451,28)	9.551.190,04
Giá trị vốn góp hiện hành	491.285.920.411	(430.442.975.188)	60.842.945.223
Lợi nhuận chưa phân phối	39.802.894.441	7.322.702.926	47.125.597.367
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	531.088.814.852		107.968.542.590
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	11.039		11.304

18 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	46.377.366.855	39.600.935.037
Lợi nhuận chưa thực hiện	748.230.512	201.959.404
	47.125.597.367	39.802.894.441

19 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ

Chỉ tiêu	<u>Từ 01/01/2026</u> <u>đến 30/06/2026</u>	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 30/06/2025</u>
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	0,74%	1,91%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	282,95%	119,16%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/06/2026

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động * 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ;
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 kỳ.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong kỳ + Tổng giá trị bán trong kỳ) / 2 * 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.

20 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ giữ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/06/2026

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, các loại trái phiếu Quỹ nắm giữ là trái phiếu niêm yết hoặc chưa niêm yết của những doanh nghiệp lớn tại Việt Nam và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính có thanh khoản cao, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
 Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
 đến ngày 30/06/2026

21 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	VND	VND	
1	01/01/2025	291.672.010.182	28.056.134,03	10.396		-
2	03/01/2025	291.722.110.012	28.056.134,03	10.398		(2)
3	04/01/2025	290.956.487.970	27.977.810,70	10.400		2
4	07/01/2025	288.446.629.078	27.727.037,82	10.403		3
5	08/01/2025	289.749.398.580	27.833.886,90	10.410		7
6	09/01/2025	286.081.468.618	27.503.144,42	10.402		(8)
7	10/01/2025	280.826.784.703	26.988.337,91	10.405		3
8	11/01/2025	276.845.325.003	26.609.320,16	10.404		(1)
9	14/01/2025	278.475.439.274	26.753.296,25	10.409		5
10	15/01/2025	280.312.880.453	26.928.909,13	10.409		-
11	16/01/2025	277.363.140.189	26.626.264,61	10.417		8
12	17/01/2025	275.982.595.158	26.462.965,71	10.429		12
13	18/01/2025	270.457.624.944	25.929.972,76	10.430		1
14	21/01/2025	271.477.553.801	26.014.251,55	10.436		6
15	22/01/2025	271.026.631.307	25.966.610,76	10.438		2
16	23/01/2025	269.109.367.532	25.783.532,91	10.437		(1)
17	24/01/2025	268.459.687.466	25.716.773,05	10.439		2
18	25/01/2025	269.409.963.992	25.798.230,72	10.443		4
19	31/01/2025	274.138.652.117	26.201.014,48	10.463		20
20	02/02/2025	274.232.180.476	26.201.014,48	10.466		3
21	04/02/2025	274.324.794.239	26.201.014,48	10.470		4
22	05/02/2025	274.704.483.581	26.232.884,84	10.472		2
23	06/02/2025	274.935.793.468	26.245.683,39	10.475		3
24	07/02/2025	275.627.921.869	26.314.192,36	10.474		(1)
25	08/02/2025	274.989.612.706	26.248.858,72	10.476		2
26	11/02/2025	274.895.803.336	26.236.399,83	10.478		2
27	12/02/2025	279.377.271.841	26.658.746,28	10.480		2
28	13/02/2025	278.905.776.659	26.611.051,36	10.481		1
29	14/02/2025	278.752.776.615	26.598.835,80	10.480		(1)
30	15/02/2025	276.205.277.287	26.349.503,28	10.482		2
31	17/02/2025	279.441.693.315	26.644.954,39	10.488		6
32	18/02/2025	282.776.472.285	26.967.192,53	10.486		(2)
33	19/02/2025	284.533.567.273	27.130.643,24	10.488		2
34	20/02/2025	281.358.651.165	26.832.765,76	10.486		(2)
35	21/02/2025	280.258.405.433	26.729.052,72	10.485		(1)
36	24/02/2025	282.843.865.142	26.962.559,28	10.490		5
37	25/02/2025	287.712.931.779	27.430.668,10	10.489		(1)
38	26/02/2025	287.786.074.439	27.419.951,18	10.495		6
39	27/02/2025	284.785.617.400	27.117.102,89	10.502		7
40	28/02/2025	282.734.444.202	26.917.803,75	10.504		2
41	01/03/2025	282.016.531.548	26.863.368,06	10.498		(6)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
 Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
 đến ngày 30/06/2026

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
42	03/03/2025	282.111.344.770	26.863.368,06	10.502	4
43	04/03/2025	285.914.235.016	27.215.521,70	10.506	4
44	05/03/2025	286.556.298.582	27.265.730,35	10.510	4
45	06/03/2025	289.730.261.375	27.563.318,77	10.511	1
46	07/03/2025	290.061.716.603	27.589.495,68	10.513	2
47	10/03/2025	288.598.743.391	27.458.769,24	10.510	(3)
48	11/03/2025	292.511.401.144	27.826.195,46	10.512	2
49	12/03/2025	291.975.331.219	27.782.959,67	10.509	(3)
50	13/03/2025	290.306.963.417	27.626.190,54	10.508	(1)
51	14/03/2025	291.440.566.936	27.707.061,95	10.519	11
52	17/03/2025	290.366.256.944	27.607.005,10	10.518	(1)
53	18/03/2025	291.617.899.150	27.711.276,66	10.523	5
54	19/03/2025	291.429.951.362	27.686.491,03	10.526	3
55	20/03/2025	293.857.971.895	27.901.179,77	10.532	6
56	21/03/2025	292.375.682.031	27.770.499,65	10.528	(4)
57	24/03/2025	291.050.727.298	27.620.171,85	10.538	10
58	25/03/2025	294.970.331.437	27.987.680,83	10.539	1
59	26/03/2025	294.469.302.105	27.904.726,68	10.553	14
60	27/03/2025	292.216.978.163	27.734.846,55	10.536	(17)
61	28/03/2025	289.048.065.498	27.401.460,64	10.549	13
62	31/03/2025	294.093.038.777	27.885.957,41	10.546	(3)
63	01/04/2025	295.379.952.920	27.986.653,26	10.554	8
64	02/04/2025	294.068.028.941	27.845.092,38	10.561	7
65	03/04/2025	292.241.528.687	27.668.066,93	10.562	1
66	04/04/2025	290.032.014.795	27.461.944,60	10.561	(1)
67	08/04/2025	289.327.675.955	27.365.893,27	10.573	12
68	09/04/2025	290.102.765.577	27.423.616,43	10.579	6
69	10/04/2025	284.050.886.428	26.856.664,43	10.577	(2)
70	11/04/2025	285.006.915.695	26.923.055,32	10.586	9
71	14/04/2025	286.435.136.784	27.071.699,32	10.581	(5)
72	15/04/2025	289.349.728.381	27.360.014,95	10.576	(5)
73	16/04/2025	286.982.899.424	27.147.940,53	10.571	(5)
74	17/04/2025	291.877.135.718	27.624.551,75	10.566	(5)
75	18/04/2025	296.141.651.038	27.981.430,08	10.584	18
76	21/04/2025	298.086.807.167	28.121.645,16	10.600	16
77	22/04/2025	303.511.480.404	28.621.896,09	10.604	4
78	23/04/2025	310.558.741.761	29.282.118,01	10.606	2
79	24/04/2025	310.520.923.597	29.289.694,37	10.602	(4)
80	25/04/2025	310.549.451.139	29.289.961,86	10.603	1
81	28/04/2025	314.386.383.562	29.622.447,20	10.613	10
82	29/04/2025	319.777.164.273	30.111.142,28	10.620	7
83	01/05/2025	322.091.121.519	30.313.407,88	10.625	5
84	05/05/2025	322.299.221.032	30.313.407,88	10.632	7
85	06/05/2025	323.723.957.363	30.438.482,29	10.635	3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
 Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
 đến ngày 30/06/2026

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
86	07/05/2025	319.888.835.976	30.077.046,91	10.636	1
87	08/05/2025	320.090.012.661	30.092.214,92	10.637	1
88	09/05/2025	331.322.344.450	31.138.216,88	10.640	3
89	12/05/2025	336.053.516.025	31.567.209,53	10.646	6
90	13/05/2025	341.307.541.960	32.037.440,91	10.653	7
91	14/05/2025	346.177.233.644	32.501.038,65	10.651	(2)
92	15/05/2025	358.542.385.338	33.671.450,01	10.648	(3)
93	16/05/2025	366.840.472.140	34.422.782,46	10.657	9
94	19/05/2025	368.811.949.091	34.621.808,62	10.653	(4)
95	20/05/2025	371.592.438.266	34.846.022,22	10.664	11
96	21/05/2025	378.611.303.119	35.527.573,88	10.657	(7)
97	22/05/2025	378.891.848.733	35.545.143,32	10.659	2
98	23/05/2025	385.425.567.161	36.143.328,69	10.664	5
99	26/05/2025	390.105.954.184	36.564.010,34	10.669	5
100	27/05/2025	395.718.761.418	37.110.707,61	10.663	(6)
101	28/05/2025	396.157.049.039	37.159.668,25	10.661	(2)
102	29/05/2025	399.191.648.734	37.461.930,60	10.656	(5)
103	30/05/2025	399.974.979.115	37.568.318,98	10.647	(9)
104	01/06/2025	408.441.975.093	38.358.249,56	10.648	1
105	02/06/2025	408.508.799.984	38.358.249,56	10.650	2
106	03/06/2025	413.633.386.684	38.787.437,72	10.664	14
107	04/06/2025	417.008.462.182	39.133.402,96	10.656	(8)
108	05/06/2025	422.764.256.728	39.664.190,93	10.659	3
109	06/06/2025	423.804.545.877	39.758.971,77	10.659	-
110	09/06/2025	428.113.351.306	40.129.077,30	10.668	9
111	10/06/2025	428.805.165.626	40.166.160,64	10.676	8
112	11/06/2025	434.899.312.373	40.706.922,84	10.684	8
113	12/06/2025	436.132.701.807	40.799.879,57	10.690	6
114	13/06/2025	442.256.710.297	41.341.798,14	10.698	8
115	16/06/2025	442.912.898.969	41.390.381,79	10.701	3
116	17/06/2025	442.405.530.431	41.341.919,50	10.701	-
117	18/06/2025	440.741.340.105	41.193.088,10	10.699	(2)
118	19/06/2025	436.700.226.137	40.794.603,85	10.705	6
119	20/06/2025	442.339.439.254	41.296.690,13	10.711	6
120	23/06/2025	446.009.372.955	41.624.727,84	10.715	4
121	24/06/2025	455.006.775.895	42.456.899,56	10.717	2
122	25/06/2025	454.159.049.057	42.370.009,51	10.719	2
123	26/06/2025	453.339.461.335	42.281.616,91	10.722	3
124	27/06/2025	458.206.912.263	42.732.012,92	10.723	1
125	30/06/2025	462.947.943.705	43.138.770,69	10.732	9
126	01/07/2025	465.288.748.642	43.337.604,73	10.736	4

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	324.962.751.542
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ	
- <i>Mức thấp nhất trong kỳ</i>	-
- <i>Mức cao nhất trong kỳ</i>	20

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	05/01/2026	531.468.988.580	48.108.641,32	11.047	8
2	06/01/2026	530.767.438.531	47.964.981,78	11.066	19
3	07/01/2026	511.895.630.198	46.214.980,91	11.076	10
4	08/01/2026	502.380.668.071	45.315.371,29	11.086	10
5	09/01/2026	485.747.976.550	43.811.118,56	11.087	1
6	12/01/2026	476.554.339.564	42.992.862,97	11.084	(3)
7	13/01/2026	472.539.918.087	42.636.777,03	11.083	(1)
8	14/01/2026	459.248.186.476	41.400.627,63	11.093	10
9	15/01/2026	451.543.804.755	40.720.923,30	11.089	(4)
10	16/01/2026	445.841.128.824	40.217.785,29	11.086	(3)
11	19/01/2026	446.093.899.902	40.209.322,52	11.094	8
12	20/01/2026	446.315.006.650	40.222.392,98	11.096	2
13	21/01/2026	438.814.483.571	39.461.526,08	11.120	24
14	22/01/2026	430.037.311.276	38.640.280,38	11.129	9
15	23/01/2026	426.031.823.973	38.351.501,92	11.109	(20)
16	26/01/2026	421.297.516.496	37.911.821,14	11.113	4
17	27/01/2026	422.218.868.521	37.999.173,77	11.111	(2)
18	28/01/2026	408.778.000.751	36.803.390,33	11.107	(4)
19	29/01/2026	403.640.433.339	36.331.987,50	11.110	3
20	30/01/2026	397.338.673.127	35.734.300,41	11.119	9
21	01/02/2026	386.604.655.950	34.806.863,39	11.107	(12)
22	02/02/2026	386.677.776.197	34.806.863,39	11.109	2
23	03/02/2026	386.394.998.511	34.752.330,81	11.119	10
24	04/02/2026	378.124.396.366	34.007.900,93	11.119	-
25	05/02/2026	368.221.885.772	33.103.754,13	11.123	4
26	06/02/2026	364.265.330.724	32.743.706,98	11.125	2
27	09/02/2026	357.004.347.695	32.079.821,19	11.129	4
28	10/02/2026	349.718.062.638	31.402.876,61	11.136	7
29	11/02/2026	336.721.628.375	30.237.144,05	11.136	-
30	12/02/2026	322.712.323.145	28.972.745,87	11.138	2
31	13/02/2026	322.999.286.120	28.994.635,54	11.140	2
32	19/02/2026	328.834.344.616	29.531.703,14	11.135	(5)
33	23/02/2026	329.062.943.048	29.531.703,14	11.143	8
34	24/02/2026	326.988.887.477	29.362.250,03	11.136	(7)
35	25/02/2026	325.662.065.577	29.217.893,84	11.146	10
36	26/02/2026	321.912.573.904	28.847.123,89	11.159	13
37	27/02/2026	323.430.145.927	28.956.573,97	11.169	10

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
 Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
 đến ngày 30/06/2026

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
38	01/03/2026	320.186.516.363	28.633.877,70	11.182	13
39	02/03/2026	320.246.022.358	28.633.877,70	11.184	2
40	03/03/2026	319.179.853.335	28.553.982,22	11.178	(6)
41	04/03/2026	316.105.970.558	28.318.654,35	11.162	(16)
42	05/03/2026	307.690.341.122	27.597.245,68	11.149	(13)
43	06/03/2026	301.983.719.292	27.063.544,48	11.158	9
44	09/03/2026	299.570.958.128	26.840.739,98	11.161	3
45	10/03/2026	297.883.021.782	26.685.280,18	11.163	2
46	11/03/2026	295.757.298.810	26.477.254,56	11.170	7
47	12/03/2026	294.299.925.473	26.339.661,09	11.173	3
48	13/03/2026	293.692.241.877	26.294.540,41	11.169	(4)
49	16/03/2026	291.495.284.453	26.082.663,63	11.176	7
50	17/03/2026	289.953.332.440	25.899.284,11	11.195	19
51	18/03/2026	288.725.238.303	25.848.056,86	11.170	(25)
52	19/03/2026	277.006.206.240	24.778.333,19	11.179	9
53	20/03/2026	274.121.022.165	24.525.477,59	11.177	(2)
54	23/03/2026	262.469.162.731	23.475.010,40	11.181	4
55	24/03/2026	255.271.752.264	22.820.678,19	11.186	5
56	25/03/2026	249.359.060.894	22.322.259,30	11.171	(15)
57	26/03/2026	248.631.329.230	22.254.185,12	11.172	1
58	27/03/2026	247.166.867.555	22.117.252,12	11.175	3
59	30/03/2026	246.844.038.796	22.050.066,43	11.195	20
60	31/03/2026	238.556.092.387	21.332.227,85	11.183	(12)
61	01/04/2026	227.840.195.308	20.373.570,07	11.183	-
62	02/04/2026	225.636.118.521	20.173.953,23	11.185	2
63	03/04/2026	224.424.528.082	20.061.870,21	11.187	2
64	06/04/2026	219.041.760.183	19.567.456,54	11.194	7
65	07/04/2026	217.704.166.861	19.423.069,48	11.209	15
66	08/04/2026	212.812.900.213	18.988.552,15	11.207	(2)
67	09/04/2026	209.163.891.072	18.650.241,64	11.215	8
68	10/04/2026	205.944.420.483	18.352.490,71	11.222	7
69	13/04/2026	204.136.108.571	18.196.220,60	11.219	(3)
70	14/04/2026	199.987.437.155	17.792.834,78	11.240	21
71	15/04/2026	194.447.831.675	17.289.739,18	11.246	6
72	16/04/2026	192.305.685.052	17.096.325,06	11.248	2
73	17/04/2026	189.316.902.566	16.816.189,09	11.258	10
74	20/04/2026	188.015.386.297	16.699.878,03	11.258	-
75	21/04/2026	184.285.627.423	16.380.965,47	11.250	(8)
76	22/04/2026	182.088.862.644	16.182.760,38	11.252	2
77	23/04/2026	180.720.309.889	16.053.074,53	11.258	6
78	24/04/2026	178.846.479.839	15.887.761,62	11.257	(1)
79	28/04/2026	178.251.553.456	15.823.523,35	11.265	8
80	29/04/2026	177.114.988.032	15.718.193,48	11.268	3
81	30/04/2026	172.344.875.887	15.300.512,67	11.264	(4)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
 Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
 đến ngày 30/06/2026

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
82	01/05/2026	172.374.640.090	15.300.512,67	11.266	2
83	04/05/2026	172.465.012.881	15.300.512,67	11.272	6
84	05/05/2026	172.347.366.980	15.305.502,72	11.260	(12)
85	06/05/2026	168.878.249.804	14.988.605,71	11.267	7
86	07/05/2026	166.442.858.780	14.768.946,78	11.270	3
87	08/05/2026	158.323.996.199	14.031.293,16	11.284	14
88	11/05/2026	157.728.226.633	13.966.333,70	11.293	9
89	12/05/2026	159.446.546.140	14.122.749,25	11.290	(3)
90	13/05/2026	154.258.727.488	13.666.818,28	11.287	(3)
91	14/05/2026	151.711.815.724	13.437.570,86	11.290	3
92	15/05/2026	149.397.963.618	13.230.119,33	11.292	2
93	18/05/2026	151.694.978.077	13.427.273,31	11.298	6
94	19/05/2026	150.303.590.746	13.298.839,02	11.302	4
95	20/05/2026	147.345.054.042	13.058.406,86	11.284	(18)
96	21/05/2026	145.933.953.658	12.930.992,36	11.286	2
97	22/05/2026	144.184.206.958	12.777.821,35	11.284	(2)
98	25/05/2026	143.843.134.508	12.734.182,76	11.296	12
99	26/05/2026	141.965.125.264	12.605.437,91	11.262	(34)
100	27/05/2026	140.663.231.977	12.461.585,94	11.288	26
101	28/05/2026	139.584.805.033	12.385.623,99	11.270	(18)
102	29/05/2026	137.068.989.951	12.159.318,39	11.273	3
103	01/06/2026	135.767.576.112	12.039.899,15	11.276	3
104	02/06/2026	135.927.037.709	12.033.387,78	11.296	20
105	03/06/2026	134.959.236.132	11.932.537,11	11.310	14
106	04/06/2026	133.804.596.600	11.818.066,26	11.322	12
107	05/06/2026	131.526.012.296	11.615.589,61	11.323	1
108	08/06/2026	128.484.656.168	11.347.295,46	11.323	-
109	09/06/2026	128.034.894.331	11.303.970,27	11.327	4
110	10/06/2026	125.032.355.209	11.035.018,36	11.331	4
111	11/06/2026	121.555.672.679	10.722.645,93	11.336	5
112	12/06/2026	120.304.062.386	10.604.590,24	11.345	9
113	15/06/2026	119.747.912.229	10.542.139,81	11.359	14
114	16/06/2026	119.909.917.829	10.568.983,17	11.345	(14)
115	17/06/2026	118.492.459.630	10.443.819,39	11.346	1
116	18/06/2026	115.976.888.747	10.313.088,04	11.246	(100)
117	19/06/2026	115.767.516.051	10.291.423,49	11.249	3
118	22/06/2026	114.948.836.432	10.220.321,82	11.247	(2)
119	23/06/2026	114.967.975.176	10.215.387,29	11.254	7
120	24/06/2026	114.255.255.773	10.151.594,65	11.255	1
121	25/06/2026	113.065.067.336	10.043.796,06	11.257	2
122	26/06/2026	110.079.909.144	9.782.978,41	11.252	(5)
123	29/06/2026	109.108.876.215	9.681.628,05	11.270	18
124	30/06/2026	109.373.778.897	9.684.248,89	11.294	24
125	01/07/2026	107.968.542.590	9.551.190,04	11.304	10

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	256.847.922.210
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ	
- <i>Mức thấp nhất trong kỳ</i>	-
- <i>Mức cao nhất trong kỳ</i>	100

22 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	CCQ	CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	9.551.190,04	48.108.641,32

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ban đại diện Quỹ	Ban đại diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Công ty thành viên cùng Tập đoàn của Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Từ 01/01/2026</u> <u>đến 30/06/2026</u>	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 30/06/2025</u>
	VND	VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	2.163.618.075	2.654.843.164
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	1.910.711.531	2.417.405.553
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	239.615.826	233.763.439
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	13.290.718	3.674.172
Lãi tiền gửi	29.263.578	310.457.600
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	29.263.578	310.457.600
Bán chứng chỉ tiền gửi	83.287.205.015	26.113.904.120
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	83.287.205.015	26.113.904.120
Mua trái phiếu	-	30.932.238.016
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	-	30.932.238.016
Bán trái phiếu	90.881.122.060	50.254.379.700
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	90.881.122.060	50.254.379.700

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DÒNG TIỀN LINH HOẠT MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa,
 Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
 đến ngày 30/06/2026

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	28.239.726	76.338.356
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	28.239.726	76.338.356
Phải trả về phí quản lý Quỹ mở	147.460.377	872.646.860
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	147.460.377	872.646.860
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	37.087.947	62.655.076
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	37.087.947	62.655.076
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	30.733.682.554	32.852.195.641
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	30.733.682.554	32.852.195.641
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	88.120.672	1.174.374.551
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	88.120.672	1.174.374.551
Tiền phong tỏa - Mua bán chứng khoán	-	21.370.767.269
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	21.370.767.269
Thù lao của Ban đại diện Quỹ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Thù lao của Ban đại diện Quỹ	66.000.000	66.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ kế toán và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Quỹ đầu tư.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.


 Nguyễn Thị Minh Lê
 Người lập


 Phạm Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng


 Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026